

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dự toán số 64+65+66 ngày 05 tháng 7 năm 2021)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền học bổng	Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền phụ cấp và trợ cấp khác								Tiền khoán T7/2021					
					Lương và phụ cấp theo lương T7 + truy lương, thâm niên từ T4-T6/2021	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2020	Phụ cấp ưu đãi T7+ truy PCUB từ T4-T6/2021	PC hỗ trợ mầm non 25-35%	Chính sách thu hút GYMN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND T7/2021	Phụ cấp trách nhiệm T7/2021		Chi lương đột 1 cho NV HĐ trường T7/2021			Tiền chi trả các ấn phẩm sách	Tiền thu nhập tăng thêm Q2/2021 cho HĐ 68
1	2	3		4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.4	9.5	9.5	9.6	10	11	12
Tổng số				264.363.904	165.682.377	9.374.856	-	-	54.277.720	-	22.050.000	298.000	-	-	11.680.951	1.000.000	-	
I	Đối với công chức, viên chức:			243.308.097	165.682.377	-	-	-	54.277.720	-	22.050.000	298.000	-	-	-	1.000.000		
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	10.355.437	7.841.807				2.513.630		-							
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	10.942.187	8.334.687				2.607.500		-							
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	8.401.306	6.310.091				2.091.215		-							
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	11.599.186	8.102.116				2.597.070		900.000							
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	9.566.671	6.481.586				2.185.085		900.000							
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	8.275.178	5.466.488				1.908.690		900.000							
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	8.107.366	5.366.471				1.840.895		900.000							
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	8.013.218	5.272.323				1.840.895		900.000							
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	7.610.203	4.973.608				1.736.595		900.000							
10	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	6.031.013	3.738.608				1.392.405		900.000							
11	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	8.051.051	5.597.576				1.903.475		550.000							
12	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	7.674.894	5.033.084				1.741.810		900.000							
13	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	7.280.354	4.988.544				1.741.810		550.000							
14	Phạm Thị Nguyễn Thùy	0109940965	NH Đông Á	6.736.493	4.606.348				1.580.145		550.000							
15	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	7.580.990	4.996.545				1.684.445		900.000							
16	Nguyễn Thị Thu Thùy	0107817761	NH Đông Á	6.924.866	4.444.721				1.580.145		900.000							
17	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	6.534.461	4.404.316				1.580.145		550.000							
18	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	6.574.866	4.444.721				1.580.145		550.000							

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền khoản T7/2021	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T7 + truy lương, thâm niên từ T4- T6/2021	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2020	Phụ cấp ưu đãi T7+ truy PCUB từ T4-T6/2021	PC hỗ trợ mãm non 25-35%	Chính sách thu tức GVNN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND T7/2021	Phụ cấp trách nhiệm T7/2021	Chi lương đợt I cho NV HĐ trường T7/2021	Tiền chính lo lịch từ ngân sách			
19	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đồng Á	5.885.917	3.917.437				1.418.480		550.000						
20	Nguyễn Thị Thủy Trang	0107817774	NH Đồng Á	8.397.777	6.280.487				2.117.290								
21	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đồng Á	6.272.189	3.953.709				1.418.480		900.000						
22	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đồng Á	6.272.189	3.953.709				1.418.480		900.000						
23	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đồng Á	5.563.502	3.406.687				1.256.815		900.000						
24	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đồng Á	6.385.574	5.587.574				-			298.000				500.000	
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đồng Á	5.020.670	3.213.855				1.256.815		550.000						
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đồng Á	5.020.670	3.213.855				1.256.815		550.000						
27	Tần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đồng Á	5.020.670	3.213.855				1.256.815		550.000						
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đồng Á	8.401.051	5.597.576				1.903.475		900.000						
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đồng Á	8.275.178	5.466.488				1.908.690		900.000						
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đồng Á	7.521.388	4.884.793				1.736.595		900.000						
31	Nguyễn Song Hà Ný	0110899069	NH Đồng Á	4.721.403	2.747.113				1.074.290		900.000						
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đồng Á	4.721.403	2.747.113				1.074.290		900.000						
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đồng Á	4.721.403	2.747.113				1.074.290		900.000						
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đồng Á	4.847.373	4.347.373				-							500.000	
II	Bãi với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			21.055.807	-	9.374.856	-	-	-	-	-	-	-	-	11.680.951	-	-
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đồng Á	5.100.292		1.800.292									3.300.000		
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đồng Á	5.033.615		1.733.615									3.300.000		
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đồng Á	3.832.238		2.053.667									1.778.571		
4	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đồng Á	3.729.857		2.053.667									1.676.190		
5	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đồng Á	3.359.805		1.733.615									1.626.190		
III	Đổi với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	0108209444	NH Đồng Á	-													
2	Lê Thị Yến Trinh	0103641702	NH Đồng Á	-													
3	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đồng Á	-													

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương T7 + truy lương, thâm niên từ T4-T6/2021	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2020	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác				
									Phụ cấp ưu đãi T7+ truy PCƯĐ từ T4-T6/2021	PC hỗ trợ mầm non 25-35%	Chính sách thu hút GVMN theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND T7/2021	Phụ cấp trách nhiệm T7/2021	Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường T7/2021

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Nguyễn Thị Hồng Tâm



KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngàythángnăm
Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

